

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2016/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 20 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước và
xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BXD ngày 02/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 12/TTr-SXD ngày 25/01/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 16/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Tư pháp; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh; Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đông Văn Lâm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 của UBND tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư nông thôn tập trung và bệnh viện, bao gồm: Đầu tư phát triển thoát nước; quản lý và vận hành hệ thống thoát nước; đầu nối thoát nước; dịch vụ thoát nước; phân cấp, trách nhiệm quản lý của các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Hoạt động thoát nước và xử lý nước thải là các hoạt động về quy hoạch, thiết kế, đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

2. Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là dịch vụ thoát nước) là các hoạt động về quản lý, vận hành hệ thống thoát nước nhằm đáp ứng yêu cầu thoát nước mưa, nước thải và xử lý nước thải theo các quy định của pháp luật.

3. Đơn vị thoát nước là tổ chức cung ứng dịch vụ quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo hợp đồng quản lý vận hành.

4. Hộ thoát nước là các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trong nước nước ngoài sinh sống và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam xả nước thải vào hệ thống thoát nước.

5. Nước thải là nước đã bị thay đổi đặc điểm, tính chất do sử dụng hoặc do các hoạt động của con người xả vào hệ thống thoát nước hoặc ra môi trường.

6. Nước thải sinh hoạt là nước thải ra từ các hoạt động sinh hoạt của con người như ăn uống, tắm giặt, vệ sinh cá nhân,...

7. Nước thải khác là nước đã qua sử dụng mà không phải là nước thải sinh hoạt.

8. Hệ thống thoát nước gồm mạng lưới thoát nước (đường ống, cống, kênh, mương, hồ điều hòa,...), các trạm bơm thoát nước mưa, nước thải, các công trình xử lý nước thải và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom, chuyển tải, tiêu thoát nước mưa, nước thải, chống ngập úng và xử lý nước thải. Hệ thống thoát nước được chia làm các loại sau đây:

a) Hệ thống thoát nước chung là hệ thống trong đó nước thải, nước mưa được thu gom trong cùng một hệ thống.

b) Hệ thống thoát nước riêng là hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt.

c) Hệ thống thoát nước nửa riêng là hệ thống thoát nước chung có tuyến cống bao để tách nước thải đưa về nhà máy xử lý.

9. Hệ thống thoát nước mưa bao gồm mạng lưới cống, kênh mương thu gom và chuyển tải, hồ điều hòa, các trạm bơm nước mưa, cửa thu, giếng thu nước mưa, cửa xả và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom và tiêu thoát nước mưa.

10. Hệ thống thoát nước thải bao gồm mạng lưới cống, giếng tách dòng, đường ống thu gom và chuyển tải nước thải, trạm bơm nước thải, nhà máy xử lý nước thải, cửa xả,... và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom, tiêu thoát và xử lý nước thải.

11. Mạng lưới cống thoát nước bao gồm các mạng lưới cống cấp 1, cống cấp 2 và cống cấp 3.

a) Mạng lưới cống cấp 1: Bao gồm hệ thống cống bao, kênh, mương dẫn nước thải, nước mưa xả vào các kênh, mương, sông ngòi chính có dòng chảy tiêu thoát nước cho khu vực hoặc vùng.

b) Mạng lưới cống cấp 2: Bao gồm hệ thống cống dọc các đường phố chính có chức năng vận chuyển nước thải và nước mưa, có thể thông qua hoặc không thông qua các trạm bơm đến mạng cống cấp 1.

c) Mạng lưới cống cấp 3: Bao gồm cống dọc các đường phố tại các tiểu khu, cống dọc các hẻm, cống dẫn nước mưa từ các cửa thu nước hè phố, nước thải từ các hộp đấu nối và chuyển tải nước thải, nước mưa tới mạng lưới cống cấp 1 và cấp 2.

12. Cống bao là tuyến cống chuyển tải nước thải từ các giếng tách nước thải để thu gom toàn bộ nước thải khi không có mưa và một phần nước thải đã được hòa trộn khi có mưa trong hệ thống thoát nước chung từ các lưu vực khác nhau và chuyển tải đến trạm bơm hoặc nhà máy xử lý nước thải.

13. Hồ điều hòa là các hồ tự nhiên hoặc nhân tạo có chức năng tiếp nhận nước thải và điều hòa tiêu thoát nước cho hệ thống thoát nước.

14. Hộp đầu nổi là các điểm đầu tiên của hệ thống thoát nước, đầu nổi với các hộ thoát nước, tiếp nhận nước mưa, nước thải của các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước.

15. Điểm đầu nổi là các điểm xả nước của các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước.

16. Điểm xả là nơi xả nước từ hệ thống thoát nước ra nguồn tiếp nhận.

17. Lưu vực thoát nước là một khu vực nhất định mà nước mưa hoặc nước thải được thu gom vào mạng lưới thoát nước chuyển tải về nhà máy xử lý nước thải hoặc xả ra nguồn tiếp nhận.

18. Nguồn tiếp nhận là các nguồn nước chảy thường xuyên hoặc định kỳ như sông, kênh rạch, ao hồ, đầm phá, biển, các tầng chứa nước dưới đất.

19. Bùn thải là bùn hữu cơ hoặc vô cơ được nạo vét, thu gom từ các bể tự hoại, mạng lưới thu gom và chuyển tải, hồ điều hòa, kênh mương, cửa thu, giếng thu nước mưa, trạm bơm nước mưa, nước thải, cửa xả và nhà máy xử lý nước thải.

20. Khu dân cư nông thôn tập trung là nơi cư trú tập trung của nhiều hộ gia đình gắn kết với nhau trong sản xuất, sinh hoạt và các hoạt động xã hội khác trong phạm vi một khu vực nhất định bao gồm trung tâm xã, ấp được hình thành do điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, văn hoá, phong tục, tập quán và các yếu tố khác.

Điều 3. Nguyên tắc chung quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải

1. Hệ thống thoát nước, xử lý nước thải phải được thiết kế và xây dựng đồng bộ. Trong trường hợp hạn chế về kinh phí đầu tư xây dựng thì phải phân chia giai đoạn đầu tư theo lưu vực ưu tiên, nhưng phải đảm bảo yếu tố đồng bộ, bao gồm cả các công trình xử lý bùn thải. Ưu tiên sử dụng công nghệ thích hợp, thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Hệ thống thoát nước, xử lý nước thải sau khi xây dựng hoàn thành phải được giao cho đơn vị chuyên nghiệp để quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng theo hình thức hợp đồng trọn gói.

3. Người sử dụng dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải phải trả tiền dịch vụ; nguồn thu từ giá sử dụng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải phải đáp ứng từng bước và tiến đến bù đắp hoàn toàn chi phí dịch vụ thoát nước.

4. Giá dịch vụ thoát nước do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định có tính đến đối tượng, loại hình và mức độ ô nhiễm của nước thải xả vào hệ thống thoát nước và khả năng chi trả, hay điều kiện kinh tế của các hộ thoát nước.

5. Nước thải có tính chất nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và các quy định pháp luật có liên quan.

6. Khuyến khích và huy động sự tham gia của mọi thành phần kinh tế đầu tư, quản lý, vận hành duy tu bảo dưỡng các hệ thống thoát nước, xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề và bệnh viện.

Chương II

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 4. Nguyên tắc đầu tư phát triển hệ thống thoát nước

1. Tất cả các dự án, công trình thoát nước đều phải được thẩm định, xét duyệt trên cơ sở kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước của tỉnh và các đề án quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước phải kết hợp với các công trình hạ tầng khác để sử dụng chung theo quy định.

3. Đề án quy hoạch, dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật khác (giao thông, thủy lợi, y tế,...) phải bảo đảm tính đồng bộ với hệ thống thoát nước tại khu vực.

4. Khi cải tạo, mở rộng, xây dựng mới các công trình hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là công trình giao thông có liên quan đến hệ thống thoát nước, chủ đầu tư phải có phương án đảm bảo an toàn cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật đã có trước, bảo đảm thoát nước bình thường và có nghĩa vụ cải tạo, phục hồi hoặc xây dựng mới đồng bộ các hạng mục công trình thoát nước có liên quan, đảm bảo vệ sinh môi trường trong và sau khi cải tạo, xây dựng mới.

Điều 5. Chủ sở hữu công trình thoát nước

1. Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; hoặc nhận bàn giao từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới và các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh khai thác công trình hệ thống thoát nước có thời hạn. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho các Sở, Ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các cấp là đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước, xử lý nước thải như sau:

a) Ủy quyền Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) làm đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước đô thị và cụm công nghiệp trên địa bàn được giao quản lý.

b) Ủy quyền Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh làm đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước khu công nghiệp và khu kinh tế.

c) Ủy quyền Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) làm đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước khu dân cư nông thôn tập trung

và làng nghề.

d) Ủy quyền các bệnh viện làm đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước của các bệnh viện.

2. Các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp là chủ sở hữu hệ thống thoát nước thuộc khu đô thị mới, khu công nghiệp do mình quản lý đến khi bàn giao theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư hoặc đến khi bàn giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 6. Chủ đầu tư công trình thoát nước

1. Đối với công trình thoát nước sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách:

a) Trường hợp do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư thì chủ đầu tư công trình thoát nước là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành hoặc cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng vốn để đầu tư xây dựng công trình và có sự tham gia của đơn vị thụ hưởng công trình thoát nước.

b) Trường hợp do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư thì chủ đầu tư là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực của huyện hoặc cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng vốn để đầu tư xây dựng công trình và có sự tham gia của Ủy ban nhân dân cấp xã. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách của cấp xã thì chủ đầu tư là Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Riêng đối với công trình thoát nước có liên quan đến lĩnh vực quốc phòng, an ninh chủ đầu tư do người quyết định đầu tư quyết định phù hợp với điều kiện cụ thể của mình.

d) Đối với công trình thoát nước sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách do các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước quyết định đầu tư thì chủ đầu tư là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực do các doanh nghiệp này quyết định thành lập.

2. Đối với công trình thoát nước sử dụng vốn khác, chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức, cá nhân sở hữu vốn hoặc vay vốn để đầu tư xây dựng. Trường hợp sử dụng vốn hỗn hợp, các bên góp vốn thỏa thuận về chủ đầu tư.

3. Công trình thoát nước do cộng đồng đóng góp, đại diện chủ đầu tư do cộng đồng quyết định.

4. Đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP), chủ đầu tư là doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước

1. Nội dung Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước bao gồm các giải pháp, phương án đầu tư, công việc cụ thể nhằm bảo đảm tiêu thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải, nâng cao độ bao phủ dịch vụ và cải thiện chất lượng dịch vụ.

2. Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước phải phù hợp với định hướng phát triển thoát nước, quy hoạch xây dựng, quy hoạch thoát nước đã được phê duyệt và có sự phối hợp đồng bộ với các địa phương có liên quan.

3. Trình tự, trách nhiệm lập, thẩm định, phê duyệt Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban quản lý Khu kinh tế Trà Vinh, Sở Y tế chủ trì, phối hợp với đơn vị thoát nước lập Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước hàng năm và giai đoạn 05 năm gửi về Sở Xây dựng trước ngày 15 tháng 9 hàng năm.

b) Trên cơ sở Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước của các đơn vị, Sở Xây dựng lập Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước chung cho toàn tỉnh.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước của tỉnh và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 8. Dự án đầu tư xây dựng hoặc cải tạo hệ thống thoát nước, xử lý nước thải

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải phải theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là Nghị định 80/2014/NĐ-CP) và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Tùy theo đặc điểm, quy mô dự án, tổ chức tư vấn khi nghiên cứu lập dự án đầu tư xây dựng hoặc cải tạo các hệ thống thoát nước, xử lý nước thải nhằm giải quyết một cách cơ bản các vấn đề thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải, bùn thải của các đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp, làng nghề và bệnh viện phải thực hiện:

a) Tổ chức điều tra, khảo sát xã hội học, tham vấn cộng đồng đánh giá thực trạng mức sống, khả năng và sự sẵn sàng đầu nối, thực hiện nghĩa vụ chi trả giá sử dụng dịch vụ thoát nước của người dân khu vực dự án; đồng thời, để người dân được biết các thông tin về dự án, chất lượng dịch vụ được hưởng sau khi dự án hoàn thành, tham gia vào quá trình ra quyết định và giám sát thực hiện.

b) Lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ: Ưu tiên sử dụng công nghệ thích hợp, thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

c) Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải phải thực hiện đồng bộ từ mạng lưới công cấp 1, cấp 2, cấp 3; đầu nối hệ thoát nước đến nhà máy xử lý nước thải, cửa xả ra môi trường. Trong trường hợp hạn hẹp về kinh phí đầu tư xây dựng thì phải phân chia giai đoạn đầu tư theo lưu vực ưu tiên, nhưng phải đảm bảo yếu tố đồng bộ, kể cả công trình xử lý bùn thải cho lưu vực lựa chọn.

Chương III

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Điều 9. Lựa chọn đơn vị thoát nước

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định 80/2014/NĐ-CP.

Điều 10. Hợp đồng quản lý vận, hành hệ thống thoát nước

1. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu và đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống thoát nước (đơn vị thoát nước). Mẫu hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là Thông tư 04/2015/TT-BXD).

2. Hệ thống thoát nước, xử lý nước thải sau khi xây dựng hoàn thành phải được giao cho đơn vị chuyên nghiệp để quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng theo hình thức hợp đồng trọn gói giữa chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu với đơn vị thoát nước.

3. Hợp đồng khung quản lý, vận hành hệ thống thoát nước có thời hạn ngắn nhất là 05 năm và dài nhất là 10 năm. Trường hợp muốn tiếp tục kéo dài hợp đồng, trước khi kết thúc thời hạn hợp đồng ít nhất là 01 năm thì các bên tham gia hợp đồng phải tiến hành thương thảo việc kéo dài hợp đồng quản lý, vận hành và đi đến ký kết.

4. Giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh hàng năm, trên cơ sở khối lượng công việc (tổng chiều dài công, hố ga, kênh mương,...) và đơn giá nhân công, ca máy, vật tư, hóa chất, giá điện,... được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố áp dụng hàng năm. Trước tháng 12 hàng năm, hai bên ký kết hợp đồng sẽ tiến hành xác định khối lượng công việc, áp giá nhân công, ca máy, vật tư, hóa chất, giá điện,... để tính giá trị của hợp đồng, trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt, làm cơ sở ký kết phụ lục hợp đồng cho năm tiếp theo.

5. Tùy thuộc vào năng lực, một đơn vị thoát nước có thể ký nhiều hợp đồng quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải với nhiều chủ sở hữu khác nhau.

Điều 11. Quy định về quản lý hệ thống thoát nước mưa và tái sử dụng nước mưa; quản lý hệ thống hồ điều hòa; quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải; quản lý hệ thống các điểm xả ra nguồn tiếp nhận

Các quy định về quản lý hệ thống thoát nước mưa và tái sử dụng nước mưa; quản lý hệ thống hồ điều hòa; quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải; quản lý hệ thống các điểm xả ra nguồn tiếp nhận thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 26 Nghị định 80/2014/NĐ-CP.

Điều 12. Quy định về quản lý xử lý nước thải phi tập trung; quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước; quản lý bùn thải từ bể tự hoại; quản lý sử dụng nước thải sau xử lý

Các quy định về quản lý xử lý nước thải phi tập trung; quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước; quản lý bùn thải từ bể tự hoại và quản lý sử dụng nước thải sau xử lý thực hiện theo quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 Thông tư 04/2015/TT-BXD.

Điều 13. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ sở hữu hệ thống thoát nước, xử lý nước thải

1. Chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Lựa chọn và ký kết hợp đồng quản lý, vận hành với đơn vị chuyên nghiệp để quản lý vận hành và cung cấp dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải.

b) Quyền giám sát và kiểm tra hệ thống thoát nước và các hạng mục của hệ thống này vào bất cứ thời điểm nào để đảm bảo tính hiệu quả của các hoạt động quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng theo hợp đồng đã ký.

c) Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng, không bán, cho thuê hoặc nhượng quyền quản lý các tài sản cố định đã giao cho đơn vị thoát nước quản lý, vận hành khi chưa được sự đồng ý của đơn vị thoát nước.

d) Trong các trường hợp vi phạm các nội dung đã quy định trong hợp đồng thì chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước phải bồi thường tổn thất thiệt hại do việc vi phạm gây ra đối với đơn vị thoát nước.

2. Chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước có trách nhiệm sau:

a) Lập và cung cấp cho đơn vị thoát nước 01 bản danh mục về các công trình của hệ thống thoát nước, bản vẽ hoàn công các công trình đã được xây dựng (nếu có). Trong trường hợp không có các bản vẽ hoàn công các công trình thoát nước, chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu sẽ tiến hành khảo sát thống kê, xác định vị trí, kích thước cơ bản, đánh giá tình trạng vật chất, đánh giá giá trị còn lại của tài sản. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm hỗ trợ chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu thực hiện

nhiệm vụ khảo sát thống kê này nhằm lập bản đồ hệ thống thoát nước.

b) Phối hợp với đơn vị thoát nước tổ chức và triển khai các chương trình truyền thông, thông tin đại chúng về các vấn đề liên quan đến quy định quản lý thoát nước, chính sách bắt buộc đầu nối và cung cấp dịch vụ thoát nước, các quy định về giá dịch vụ thoát nước, thu gom và xử lý nước thải, chính sách về giám sát cộng đồng đối với dịch vụ thoát nước.

c) Đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho đơn vị thoát nước theo nội dung hợp đồng;

d) Phê chuẩn đúng thời hạn các kế hoạch đầu tư do đơn vị thoát nước lập trong việc sửa chữa lớn, thay thế, phục hồi và mở rộng hệ thống thoát nước nhằm đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ của hợp đồng quản lý, vận hành.

đ) Hỗ trợ đơn vị thoát nước trong việc đầu nối các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước.

Điều 14. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đơn vị thoát nước

1. Đơn vị thoát nước có các quyền sau:

a) Được ngừng dịch vụ thoát nước theo quy định tại Điều 25 Quy định này.

b) Được bồi thường thiệt hại do hộ thoát nước gây ra theo quy định của pháp luật.

c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị thoát nước có các nghĩa vụ sau:

a) Xây dựng kế hoạch, lộ trình đầu nối và báo cáo chủ sở hữu hệ thống thoát nước để chỉ đạo kịp thời.

b) Tuân thủ các quy trình, quy định về vận hành hệ thống thoát nước.

c) Xử lý sự cố, khôi phục việc thoát nước.

d) Hàng năm, phối hợp với chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu lập chi phí dịch vụ thoát nước, trình các cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt để ký kết phụ lục hợp đồng quản lý vận hành cho năm tiếp theo.

đ) Thiết lập cơ sở dữ liệu, quản lý các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước do mình quản lý; phối hợp với đơn vị cấp nước hoặc trực tiếp tổ chức thu giá dịch vụ thoát nước theo quy định.

e) Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

g) Cung cấp thông tin cho các hộ thoát nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan khi có yêu cầu.

- h) Bảo vệ an toàn hệ thống thoát nước theo quy định.
- i) Bảo đảm duy trì ổn định dịch vụ thoát nước theo quy định.
- k) Bồi thường khi gây thiệt hại cho hộ thoát nước theo quy định của pháp luật.
- l) Các nghĩa vụ khác theo định của pháp luật.

3. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm sau:

a) Thông báo đến hộ thoát nước biết để thực hiện đầu nối ngay khi đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các điểm đầu nối trên tuyến thu gom nước thải.

b) Khảo sát, thiết kế, lập dự toán và thi công đầu nối (nếu hộ thoát nước yêu cầu).

c) Tổ chức kiểm soát việc xả nước thải của hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước do mình quản lý bảo đảm các quy chuẩn quy định, tự tổ chức lấy mẫu, xét nghiệm khi thấy cần thiết.

d) Giám sát việc xây dựng các công trình thu gom của các hộ thoát nước theo hợp đồng dịch vụ thoát nước đã ký.

đ) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện việc đầu nối nước thải.

e) Hàng năm xây dựng kế hoạch thiết lập và xây dựng các điểm đầu nối mới để phục vụ nhu cầu đầu nối của các hộ thoát nước trong phạm vi phục vụ của hệ thống thoát nước.

g) Xây dựng, điều chỉnh mẫu hợp đồng dịch vụ thoát nước hoặc phụ lục hợp đồng dịch vụ thoát nước (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu, chủ quản lý, sử dụng các công trình có quy mô lớn, phức tạp thuê đơn vị thoát nước quản lý, vận hành hệ thống thoát nước, xử lý nước thải cục bộ và bổ sung nội dung này vào phụ lục hợp đồng dịch vụ thoát nước (nếu có).

Điều 15. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hộ thoát nước

1. Hộ thoát nước có quyền sau:

- a) Được cung cấp dịch vụ thoát nước theo quy định của pháp luật.
- b) Yêu cầu đơn vị thoát nước kịp thời khắc phục khi sự cố xảy ra.
- c) Được cung cấp hoặc giới thiệu thông tin về hoạt động thoát nước.
- d) Được bồi thường thiệt hại do đơn vị thoát nước gây ra theo quy định của pháp luật.
- đ) Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước của đơn vị

thoát nước hoặc các bên có liên quan.

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Hộ thoát nước có nghĩa vụ sau:

a) Thanh toán giá sử dụng dịch vụ thoát nước đầy đủ, đúng thời hạn.

b) Xả nước vào hệ thống đúng quy định, quy chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

c) Thông báo kịp thời cho đơn vị thoát nước khi thấy các hiện tượng bất thường có thể gây sự cố đối với hệ thống thoát nước.

d) Đầu nối hệ thống thoát nước của hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước thải; duy tu, bảo dưỡng công trình xử lý sơ bộ và đường ống thoát nước đến điểm đầu nối theo đúng quy định của hợp đồng dịch vụ thoát nước.

đ) Bồi thường khi gây ra thiệt hại cho các bên có liên quan theo quy định của pháp luật.

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Hộ thoát nước có trách nhiệm sau:

a) Tổ chức đầu tư xây dựng toàn bộ đường ống thoát nước, công trình xử lý sơ bộ (nếu có) đến điểm đầu nối và hoàn trả nguyên trạng các mặt bằng công cộng đã sử dụng để thi công.

b) Thông báo thời điểm thi công đầu nối để đơn vị thoát nước kiểm tra, hướng dẫn và giám sát việc xây dựng bảo đảm đầu nối đúng quy định.

c) Tích cực tham gia và hưởng ứng chương trình tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước.

Chương IV

ĐẦU NỐI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 16. Quy định về điểm đầu nối

1. Điểm đầu nối là các điểm xả nước của các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước thông qua các hố ga, các tuyến cống hoặc hộp đầu nối được chủ sở hữu đầu tư xây dựng.

2. Cao độ của điểm đầu nối phải thấp hơn cao độ các công trình của các hộ thoát nước nhằm đảm bảo độ dốc để nước từ hệ thống thoát nước công cộng không chảy ngược vào các hộ thoát nước.

3. Hộ thoát nước có trách nhiệm đầu tư và tổ chức thi công lắp đặt đường ống thoát nước trong phạm vi khuôn viên phần đất thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp

pháp của hộ thoát nước; trên phần đất công do đơn vị thoát nước thi công nhằm đảm bảo tính đồng bộ trong công tác quản lý cảnh quan, môi trường đô thị, bảo đảm đúng quy định. Sau khi thi công đấu nối hoàn thành đơn vị thoát nước và hộ thoát nước phải tiến hành tổ chức nghiệm thu thi công đấu nối (tham khảo Mẫu số 03).

Điều 17. Quy định về hộp đấu nối

1. Tùy theo điều kiện của từng khu vực, vị trí điểm đấu nối phải bố trí hộp đấu nối nhằm đảm bảo ổn định, an toàn cho điểm đấu nối, đồng thời thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát, bảo dưỡng.

2. Hộp đấu nối được xây dựng trên phần đất công, sát ranh giới giữa phần đất công với phần đất thuộc quyền sử dụng của các hộ thoát nước. Chủ sở hữu chịu trách nhiệm đầu tư hộp đấu nối và giao cho đơn vị thoát nước quản lý.

Điều 18. Thời điểm đấu nối, thỏa thuận và miễn trừ đấu nối

1. Tất cả các hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống, cống thu gom nước mưa, nước thải là đối tượng bắt buộc phải đấu nối vào hệ thống thoát nước, trừ những trường hợp được quy định về miễn trừ đấu nối tại Khoản 2 Điều này.

2. Các trường hợp miễn trừ đấu nối vào hệ thống thoát nước như sau:

a) Gần nguồn tiếp nhận mà chất lượng nước thải đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường.

b) Tại địa bàn chưa có mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước tập trung.

3. Thỏa thuận đấu nối là văn bản thỏa thuận giữa đơn vị thoát nước và hộ thoát nước về vị trí đấu nối, các yêu cầu kỹ thuật của điểm đấu nối, thời điểm đấu nối, chất lượng, khối lượng nước thải xả vào điểm đấu nối (tham khảo Mẫu số 02).

4. Hộ thoát nước có nghĩa vụ hoàn thành đấu nối vào hệ thống thoát nước trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày thỏa thuận đấu nối với đơn vị thoát nước. Trường hợp hộ thoát nước chưa hoàn thành đấu nối thì phải đăng ký lại thỏa thuận đấu nối với đơn vị thoát nước.

Điều 19. Quy định về xả nước thải tại điểm đấu nối

1. Đối với nước thải sinh hoạt: Các hộ thoát nước được phép xả nước thải trực tiếp vào hệ thống thoát nước tại điểm đấu nối.

2. Đối với các loại nước thải khác: Các hộ thoát nước phải thu gom và có hệ thống xử lý nước thải cục bộ bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật theo quy định hiện hành và các quy định đấu nối trước khi xả vào điểm đấu nối.

Điều 20. Yêu cầu về kỹ thuật đấu nối

1. Việc đấu nối hệ thống thoát nước phải đảm bảo hạn chế đến mức thấp nhất

lượng nước thải thấm vào lòng đất hoặc chảy vào các nguồn tiếp nhận khác.

2. Đường kính ống thoát nước từ điểm xả của hộ thoát nước đến điểm đầu nối phải lớn hơn hoặc bằng 90mm, có độ dốc phù hợp để đảm bảo không bị tắc nghẽn. Khuyến khích sử dụng ống thoát nước làm bằng nhựa uPVC hoặc HDPE.

Điều 21. Trình tự thực hiện đấu nối

1. Bước 1: Đơn vị thoát nước thông báo Kế hoạch đấu nối nước thải đến các hộ thoát nước theo từng khu vực, cụm dân cư hoặc các hộ thoát nước có nhu cầu đấu nối đăng ký tại đơn vị thoát nước (tham khảo Mẫu số 01).

2. Bước 2: Đơn vị thoát nước khảo sát, lập hồ sơ thiết kế hệ thống đấu nối thoát nước trong phạm vi đất công; trên phần đất thuộc quyền sử dụng của hộ thoát nước thì do hộ thoát nước tự tổ chức thiết kế. Trường hợp hộ thoát nước có yêu cầu đơn vị thoát nước lập hồ sơ thiết kế đấu nối thì phải trả chi phí thiết kế cho đơn vị thoát nước theo thỏa thuận.

3. Bước 3: Đơn vị thoát nước thỏa thuận đấu nối với hộ thoát nước là hộ gia đình (tham khảo Mẫu số 02) hoặc ký hợp đồng dịch vụ thoát nước với hộ thoát nước không phải hộ gia đình (theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 04/2015/TT-BXD). Thời gian thỏa thuận đấu nối hoặc ký hợp đồng dịch vụ với hộ thoát nước tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị đấu nối của hộ thoát nước.

4. Bước 4: Tiến hành thi công và nghiệm thu thi công đấu nối (tham khảo Mẫu số 03).

Điều 22. Chi phí đấu nối, chính sách hỗ trợ và thúc đẩy đấu nối

1. Chi phí đấu nối bao gồm các chi phí: Khảo sát, thiết kế, lập dự toán, lắp đặt ống, phụ kiện và hoàn trả mặt bằng từ điểm xả của hộ thoát nước đến điểm đấu nối.

2. Chính sách hỗ trợ: Hộ thoát nước được hỗ trợ chi phí đấu nối theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương V

DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

Điều 23. Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ thoát nước

1. Nội dung tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đảm bảo đầy đủ hai phần: Chất lượng dịch vụ và chất lượng phục vụ; đồng thời, phải đáp ứng yêu cầu về thời gian phục vụ (nhanh chóng, kịp thời), mức độ chính xác, mức độ an toàn, mức độ tiện lợi và tinh thần thái độ phục vụ (văn minh, lịch sự),...

2. Tùy từng điều kiện cụ thể của từng khu vực trên địa bàn tỉnh, đơn vị thoát nước xây dựng và ban hành tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ thoát nước của đơn vị

mình sau khi có ý kiến thống nhất của chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu và Sở Xây dựng.

Điều 24. Hợp đồng dịch vụ thoát nước

1. Hợp đồng dịch vụ thoát nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa đơn vị thoát nước với hộ thoát nước (trừ hộ gia đình) xả nước thải vào hệ thống thoát nước.

2. Hợp đồng dịch vụ thoát nước thực hiện theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 04/2015/TT-BXD.

Điều 25. Ngừng dịch vụ thoát nước

Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định 80/2014/NĐ-CP.

Điều 26. Chi phí dịch vụ thoát nước

1. Chi phí dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là chi phí dịch vụ thoát nước) là các chi phí để thực hiện các nhiệm vụ thu gom, tiêu thoát nước mưa và thu gom, xử lý nước thải tại các khu vực được cung cấp dịch vụ, bao gồm: Chi phí vận hành, duy trì, bảo dưỡng hệ thống thoát nước; chi phí khấu hao xe, máy, thiết bị, nhà xưởng, công trình được đầu tư để phục vụ công tác thoát nước và xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành; các chi phí, thuế và phí khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Chi phí dịch vụ thoát nước là cơ sở để định giá dịch vụ thoát nước và là căn cứ để xác định giá trị hợp đồng quản lý vận hành được ký kết giữa đơn vị thoát nước với chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước.

3. Trách nhiệm lập, thẩm định và phê duyệt chi phí dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước tại các đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư nông thôn tập trung, bệnh viện sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

a) Trước tháng 11 hàng năm, chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu phối hợp với đơn vị thoát nước tiến hành xác định khối lượng công việc, áp giá nhân công, ca máy, vật tư, hóa chất, giá điện, ... để lập chi phí dịch vụ thoát nước, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt.

b) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổ chức thẩm định chi phí dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp và bệnh viện; Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định chi phí dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước làng nghề và khu dân cư nông thôn tập trung;

c) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chi phí dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp và bệnh viện; Ủy

ban nhân dân cấp huyện phê duyệt chi phí dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước làng nghề và khu dân cư nông thôn tập trung.

4. Đối với hệ thống thoát nước do các tổ chức, cá nhân tự bỏ vốn đầu tư: việc lập, thẩm định và phê duyệt chi phí dịch vụ thoát nước do tổ chức, cá nhân tự quyết định.

Điều 27. Giá dịch vụ thoát nước

1. Giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là giá dịch vụ thoát nước) là toàn bộ chi phí sản xuất được tính đúng tính đủ và mức lợi nhuận hợp lý cho một mét khối nước thải (1m^3) để thực hiện các nhiệm vụ thoát nước và xử lý nước thải.

2. Trách nhiệm lập, thẩm định và phê duyệt giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định 80/NĐ-CP.

3. Việc định giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thực hiện theo Thông tư số 02/2015/TT-BXD ngày 02/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước (gọi tắt là Thông tư 02/2015/TT-BXD).

Điều 28. Nguyên tắc xác định, phương thức thu và quản lý tiền sử dụng dịch vụ thoát nước hàng tháng

1. Nguyên tắc xác định:

a) Tiền sử dụng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải hàng tháng (gọi tắt là tiền sử dụng dịch vụ thoát nước) là số tiền mà người sử dụng dịch vụ thoát nước phải trả hàng tháng cho đơn vị thoát nước.

b) Hộ thoát nước thuộc đối tượng bắt buộc đấu nối vào hệ thống thoát nước (kể cả hộ chưa ký hợp đồng dịch vụ thoát nước) phải thanh toán tiền sử dụng dịch vụ thoát nước hàng tháng.

c) Hộ thoát nước không thuộc đối tượng bắt buộc đấu nối vào hệ thống thoát nước thì có nghĩa vụ trả phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Việc thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

d) Hộ thoát nước đã thanh toán tiền sử dụng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải hàng tháng thì không phải trả phí bảo vệ môi trường.

2. Phương thức thu tiền sử dụng dịch vụ thoát nước hàng tháng như sau:

a) Trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì đơn vị cấp nước có trách nhiệm tổ chức thu tiền sử dụng dịch vụ thoát nước thông qua hóa đơn tiền nước hàng tháng; riêng đối với hộ thoát nước trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp do đơn vị thoát nước tự tổ chức thu tiền sử dụng dịch vụ thoát nước.

b) Trường hợp các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước

tập trung thì đơn vị thoát nước có trách nhiệm tổ chức thu tiền sử dụng dịch vụ thoát nước hàng tháng.

c) Nếu đơn vị thoát nước không đồng thời là đơn vị cấp nước thì đơn vị thoát nước phải trả chi phí đi thu tiền sử dụng dịch vụ thoát nước hàng tháng cho đơn vị cấp nước. Chi phí đi thu được tính tối đa không quá 3% của tổng số tiền thu được từ tiền sử dụng dịch vụ thoát nước hàng tháng.

3. Quản lý và sử dụng tiền thu từ dịch vụ thoát nước hàng tháng.

a) Trong thời gian Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể, việc quản lý và sử dụng tiền thu từ dịch vụ thoát nước hàng tháng, tạm thời thực hiện như sau:

- Đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước có trách nhiệm quản lý và được phép sử dụng tiền thu từ dịch vụ thoát nước hàng tháng để chi trả cho các mục đích sau:

+ Chi trả cho dịch vụ đi thu tiền sử dụng dịch vụ thoát nước hàng tháng.

+ Chi trả cho công tác tổ chức lấy mẫu và phân tích xác định hàm lượng COD của nước thải.

+ Chi trả trực tiếp vào giá hợp đồng theo hợp đồng quản lý vận hành được ký kết giữa đơn vị thoát nước và chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước.

+ Sau khi đã chi trả toàn bộ các khoản chi phí trên, phần tiền thu còn lại từ dịch vụ thoát nước hàng tháng (nếu có), đại diện chủ sở hữu được phép sử dụng để đầu tư duy trì hệ thống thoát nước.

- Đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm báo cáo chủ sở hữu (thông qua Sở Tài chính) theo định kỳ 6 tháng, năm về tình hình quản lý và sử dụng nguồn thu từ dịch vụ thoát nước.

b) Sau khi Bộ Tài chính có hướng dẫn cụ thể, việc quản lý và sử dụng tiền thu từ dịch vụ thoát nước hàng tháng thì thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 29. Xác định khối lượng nước thải xả vào điểm đầu nối để tính tiền sử dụng dịch vụ thoát nước

1. Đối với nước thải sinh hoạt:

a) Trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải được tính bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước.

b) Trường hợp các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải xả vào điểm đầu nối được lấy bằng $3\text{m}^3/\text{người}/\text{tháng}$. Số người được xác định theo số nhân khẩu thực tế thường trú do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận (đối với hộ gia đình); theo bảng lương hoặc hợp đồng lao động (đối

với các hệ thoát nước không tổ chức sản xuất, chế biến).

c) Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ tự khai thác nước để sử dụng sinh hoạt thì khối lượng nước sạch sử dụng căn cứ vào quy mô hoạt động kinh doanh, dịch vụ do cơ sở tự kê khai, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và thẩm định của phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Đối với các loại nước thải khác:

a) Trường hợp sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải xả vào điểm đầu nối được lấy bằng 80% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo số đo trên hóa đơn tiền nước hoặc xác định thông qua đồng hồ đo lưu lượng do hộ thoát nước lắp đặt.

b) Trường hợp không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải xả vào điểm đầu nối được xác định thông qua đồng hồ đo lưu lượng. Hộ thoát nước có trách nhiệm lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng và các thiết bị bảo vệ, phụ trợ khác hoặc thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ thoát nước giữa đơn vị thoát nước và hộ thoát nước.

Chương VI

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Điều 30. Phân cấp quản lý, trách nhiệm quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải

1. Sở Xây dựng:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các hoạt động thoát nước, xử lý nước thải tại các đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư nông thôn tập trung và bệnh viện trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan lập Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn toàn tỉnh gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chi phí dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp và bệnh viện được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng phương án giá dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước, gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách thực hiện ưu đãi, hỗ trợ đối với các hoạt động thúc đẩy đầu nổi và sử dụng nước thải sau khi xử lý tại các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư nông thôn tập trung và bệnh viện theo các hình thức đầu tư khác ngoài ngân sách nhà nước.

e) Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra đối với các hoạt động thoát nước đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư nông thôn tập trung và bệnh viện trên địa bàn tỉnh.

g) Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ nguồn vốn khác không thuộc ngân sách nhà nước.

h) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan kiểm tra việc xây dựng, thực hiện quyết định giá dịch vụ thoát nước áp dụng cho các đối tượng có liên quan đến dịch vụ này tại địa phương.

i) Khi cấp Giấy phép xây dựng theo phân cấp, yêu cầu hộ thoát nước đầu nổi theo quy định.

k) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét vị trí phù hợp quy hoạch đối với hồ sơ xin phép xả thải của hệ thống thoát nước đô thị theo quy định.

l) Hướng dẫn việc xây dựng cơ sở dữ liệu về thoát nước và xử lý nước thải; hướng dẫn việc lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước của đơn vị, địa phương.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Hàng năm tổng hợp, cân đối nhu cầu bố trí vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ cho các dự án công trình thoát nước và xử lý nước thải theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải để kêu gọi đầu tư theo hình thức xã hội hóa.

3. Sở Tài chính:

a) Chủ trì thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh đầu tư từ ngân sách nhà nước, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Cho ý kiến thỏa thuận về giá dịch vụ thoát nước trong khu công nghiệp để các chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp làm cơ sở quyết định về mức giá theo quy định.

c) Phối hợp với Sở Xây dựng thẩm định chi phí dịch vụ thoát nước đối với hệ

thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp và bệnh viện được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thu và sử dụng giá dịch vụ thoát nước của chủ sở hữu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, quản lý lưu vực sông, kiểm soát ô nhiễm trong lĩnh vực thoát nước, xả nước thải ra môi trường trên phạm vi toàn tỉnh; phối hợp với các Sở, Ban, ngành tỉnh để quản lý nước thải theo quy định của pháp luật.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện việc cấp phép xả nước thải vào công trình thủy lợi cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi theo quy định.

6. Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh:

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại khu công nghiệp và khu kinh tế.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan lập Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trong khu công nghiệp, khu kinh tế gửi Sở Xây dựng tổng hợp, trình thẩm định, phê duyệt theo quy định.

c) Tổ chức lập chi phí dịch vụ thoát nước khu công nghiệp, khu kinh tế được đầu tư từ ngân sách nhà nước gửi Sở Xây dựng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc kiểm tra, giám sát nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý và xử lý nước thải.

đ) Khi cấp Giấy phép xây dựng theo phân cấp, yêu cầu hệ thoát nước đấu nối theo quy định.

e) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét vị trí phù hợp quy hoạch đối với hồ sơ xin phép xả thải của hệ thống thoát nước thải trong khu vực do mình quản lý theo quy định.

g) Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm đến hoạt động thoát nước trong khu

công nghiệp, khu kinh tế.

h) Chịu trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống thoát nước trong khu công nghiệp, khu kinh tế.

i) Tập hợp, lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước; báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải khu công nghiệp, khu kinh tế theo định kỳ hàng năm và đột xuất gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

7. Các Sở, Ban, ngành tỉnh có liên quan:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Y tế và Ban Quản lý Khu kinh tế Trà Vinh để thực hiện quản lý nhà nước về thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư nông thôn tập trung và bệnh viện trên địa bàn.

8. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư nông thôn tập trung trên địa bàn được giao quản lý.

b) Lập kế hoạch hàng năm và 05 năm về đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước bao gồm mạng lưới thu gom và chuyển tải từ hộp đấu nối đến mạng lưới thoát nước cấp 1, cấp 2 và cấp 3.

c) Tổ chức lập chi phí dịch vụ thoát nước gửi Sở Xây dựng thẩm định theo thẩm quyền.

d) Lựa chọn đơn vị thoát nước có đủ năng lực để thực hiện quản lý, vận hành hệ thống thoát nước do mình làm đại diện chủ sở hữu. Khuyến khích lựa chọn theo hình thức đấu thầu.

đ) Ký hợp đồng hoặc ủy quyền cho phòng, ban chuyên môn trực thuộc ký hợp đồng quản lý, vận hành với đơn vị thoát nước có đủ năng lực để thực hiện quản lý, vận hành hệ thống thoát nước do mình làm đại diện chủ sở hữu.

e) Tổ chức giám sát, nghiệm thu khối lượng và thanh toán tiền cho đơn vị thoát nước theo giá hợp đồng và khối lượng thực hiện.

g) Tổ chức thẩm định khối lượng nước sạch sử dụng của các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tự khai thác nước để sử dụng sinh hoạt sau khi có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

h) Khi cấp Giấy phép xây dựng theo phân cấp, yêu cầu hệ thống thoát nước đấu nối theo quy định.

i) Tổ chức chi hỗ trợ đầu nôi từ nguồn vốn ngân sách địa phương theo quy định hiện hành.

k) Lưu trữ các hồ sơ, tài liệu về thoát nước đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề và khu dân cư tập trung trên địa bàn quản lý theo quy định; cung cấp, bàn giao 01 bộ hồ sơ, dữ liệu thoát nước thuộc thẩm quyền quản lý cho Sở Xây dựng quản lý sau khi nhận bàn giao từ các chủ sở hữu hoặc chủ đầu tư khác (bản vẽ và dữ liệu đã được số hóa); đối với các dự án trực tiếp làm chủ đầu tư thì hồ sơ, dữ liệu này phải cung cấp về Sở Xây dựng sau khi công trình được đưa vào sử dụng. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các dữ liệu cung cấp.

l) Báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn theo định kỳ, hàng năm hoặc đột xuất gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

9. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các làng nghề và khu dân cư nông thôn tập trung trên địa bàn được giao quản lý.

b) Thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước tại các làng nghề và khu dân cư nông thôn tập trung.

c) Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra các hoạt động thoát nước và xử lý nước thải. Trong quá trình kiểm tra phát hiện những vi phạm pháp luật về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải phải báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

d) Xác nhận khối lượng nước sạch sử dụng của các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tự kê khai trên địa bàn mình quản lý để làm cơ sở cho phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định.

đ) Xác nhận số nhân khẩu thực tế thường trú đối với hộ gia đình không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung để tính giá dịch vụ thoát nước thải sinh hoạt.

e) Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng phối hợp với các Sở, Ban, ngành tỉnh có liên quan hướng dẫn thực hiện Quy định này.

2. Các Sở, Ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; các tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải thực hiện đúng Quy định này và các quy định pháp luật hiện hành.

3. Các nội dung khác liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh không nêu trong Quy định này thì thực hiện theo Nghị định 80/2014/NĐ-CP, Thông tư 04/2015/TT-BXD, Thông tư 02/2015/TT-BXD và các quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

Trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện Quy định này, nếu có những vấn đề khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đông Văn Lâm

**CÁC BIỂU MẪU THAM KHẢO SỬ DỤNG
TRONG ĐẦU NÓI THOÁT NƯỚC**

*(Kèm theo Quyết định số: 19/2016/QĐ-UBND
ngày 20/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**MẪU SỐ 01
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
THỎA THUẬN ĐẦU NÓI THOÁT NƯỚC**

Kính gửi: (*)

Tên tổ chức/ cá nhân:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Fax: Mail:

Đại diện (nếu là cơ quan, tổ chức): Chức vụ:

Để đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực và mỹ quan đô thị, nay tôi làm đơn này, kính đề nghị (*) xem xét ký thỏa thuận đầu nói để tôi được đầu nói thoát nước vào hệ thống thoát nước đô thị tại vị trí:

Nhà số ..., đường ..., khóm phường/thị trấn..... huyện/thị xã/thành phố, tỉnh Trà Vinh.

Sau khi ký thỏa thuận đầu nói, tôi xin cam kết:

1. Chấp hành các quy định về xây dựng, quản lý thoát nước đô thị theo đúng quy định.
2. Chịu sự giám sát thực hiện và mọi chi phí hoàn trả mặt bằng vỉa hè và mặt đường sau khi thi công đầu nói.
3. Đóng tiền giá dịch vụ thoát nước theo đúng quy định; chịu trách nhiệm quản lý, sửa chữa công trình thoát nước đã cho phép lắp đặt, không để tắc nghẽn, làm ô nhiễm môi trường xung quanh (trước khi sửa chữa phải làm thủ tục cấp phép theo quy định hiện hành).

4. Không lấn chiếm, xây dựng các công trình trên hệ thống thoát nước đô thị.

5. Không xả các chất độc hại vào hệ thống thoát nước đô thị.

6. Không đổ đất, đá, rác xuống hệ thống thoát nước đô thị; trồng cây, thả rau, bèo, bắt cầu, và các hành vi khác làm ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước đô thị.

Nếu không thực hiện đúng các nội dung trên, tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày ... tháng ... năm 201...

Người làm đơn

(Ký ghi rõ họ và tên)

(*) tên đơn vị thoát nước

MẪU SỐ 02
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỎA THUẬN ĐẦU NỐI
Số...../.....

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 6 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về Thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Quyết định số /2016/QĐ-UBND ngày tháng năm 2016 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Trà Vinh,

Hôm nay, ngày/...../....., tại, chúng tôi gồm:

1. Đại diện đơn vị thoát nước

- Tên người đại diện:
- Chức vụ:
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:

2. Đại diện hộ thoát nước

- Tên người đại diện:
- Chức vụ:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:

Hai bên cùng thống nhất thỏa thuận đầu nối nước với các nội dung cơ bản sau:

Điều 1. Mục đích của thỏa thuận đầu nối thoát nước

Thỏa thuận đầu nối là văn bản pháp lý được ký giữa đơn vị thoát nước với hộ thoát nước nhằm đảm bảo đầu nối đúng vị trí, đúng yêu cầu kỹ thuật, đúng thời điểm, đảm bảo chất lượng nước thải xả vào điểm đầu nối đúng quy định, khối lượng nước thải xả vào điểm đầu nối được tính đúng tính đủ.

Điều 2. Vị trí đầu nối

Quy định vị trí, cao độ, quy cách các điểm đầu nối thoát nước mưa và nước thải.

Điều 3. Các yêu cầu kỹ thuật đầu nối

1. Việc đầu nối hệ thống thoát nước phải đảm bảo hạn chế đến mức thấp nhất lượng nước thải thấm vào lòng đất hoặc chảy vào các nguồn tiếp nhận khác.

2. Ống thoát nước từ điểm xả của hộ thoát nước đến điểm đầu nối phải lớn hơn hoặc bằng 90mm, có độ dốc phù hợp để đảm bảo không bị tắc nghẽn. Khuyến khích sử dụng ống thoát nước làm bằng nhựa uPVC hoặc HDPE.

Điều 4. Thời điểm đấu nối

Hệ thoát nước có nghĩa vụ hoàn thành đấu nối vào hệ thống thoát nước trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày ký thỏa thuận đấu nối. Trường hợp hệ thoát nước chưa hoàn thành đấu nối thì phải đăng ký thỏa thuận đấu nối lại với đơn vị thoát nước.

Điều 5. Chất lượng nước thải (*Các quy định chất lượng nước thải trong trường hợp xử lý nước thải tập trung và phi tập trung*)

- Nước thải sinh hoạt từ các hộ thoát nước xả vào hệ thống thoát nước thải phải đảm bảo các quy chuẩn nước xả thải theo quy định.

- Đối với các loại nước thải khác, các hộ thoát nước phải thu gom và có hệ thống xử lý nước thải cục bộ bảo đảm quy chuẩn cho phép trước khi xả vào điểm đấu nối. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm tổ chức kiểm soát việc xả thải của các hộ thoát nước thải vào hệ thống thoát nước thải do mình quản lý đảm bảo các quy chuẩn quy định.

Điều 6. Khối lượng nước thải

Khối lượng nước thải xả vào điểm đấu nối được xác định theo quy định tại Điều 29 Quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số .../2016/QĐ-UBND ngày ... tháng năm 2016 của UBND tỉnh Trà Vinh.

Điều 7. Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ những điều khoản đã ghi trong thỏa thuận.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc hai bên chủ động thông báo cho nhau và cùng bàn bạc đi đến thống nhất.

- Thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi hai bên ký thỏa thuận chính thức.

- Thỏa thuận được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau.

Đơn vị thoát nước
(*ký, ghi rõ họ và tên*)

Hộ thoát nước
(*ký, ghi rõ họ và tên*)

MẪU SỐ 03
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU THI CÔNG ĐÁU NÓI

Hôm nay, ngày/...../....., chúng tôi gồm có:

1. Đại diện đơn vị thoát nước:

2. Đại diện hộ thoát nước:

Các bên tham dự đã tiến hành kiểm tra việc đấu nối nước thải của hộ gia đình/tổ chức vào hệ thống thoát nước đô thị theo thỏa thuận số/.....

Kết quả kiểm tra:

(i) Yêu cầu kỹ thuật đấu nối: Đạt / Không đạt

(ii) Lý do không đạt hoặc các yêu cầu khác (nếu có):

.....

.....

.....

Kết luận: Nước thải của hộ thoát nước được phép/không được phép xả vào hệ thống thoát nước đô thị (thành phố/ thị xã/ thị trấn).

Đại diện Hộ thoát nước

(ký, ghi rõ họ và tên)

Đại diện Đơn vị thoát nước

(ký, ghi rõ họ và tên)